

SỰ CẦN THIẾT XÁC ĐỊNH KINH TẾ NHÀ NƯỚC GIỮ VAI TRÒ CHỦ ĐẠO TRONG NỀN KINH TẾ

ĐỖ QUỐC BÌNH (*)

Trong Hiến pháp năm 1992 xác định rõ, nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo cùng với kinh tế tập thể tạo dần nền tảng cho nền kinh tế quốc dân. Trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, điều 54 xác định:

1. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế.

2. Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật.

Như vậy, trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 không xác định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, theo tôi chưa thoả đáng. Bởi vì:

Thứ nhất, từ trước tới nay chúng ta xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, được biểu hiện:

- Kinh tế nhà nước nắm những khâu, những lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế quốc dân, đi đầu trong năng suất, chất lượng, hiệu quả và giải quyết các vấn đề xã hội.

- Kinh tế nhà nước hỗ trợ, dẫn dắt, giúp đỡ, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế khác phát triển.

- Kinh tế nhà nước là lực lượng vật chất quản lý kinh tế vĩ mô.

- Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Thứ hai, trong thực tế hiện nay, kinh tế nhà nước vẫn là bộ phận nắm lượng vốn lớn, nắm

khoa học - kỹ thuật, đội ngũ cán bộ, đóng góp nhiều cho nền kinh tế quốc dân, và là lực lượng vật chất quan trọng để ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, thực tế trong những năm qua, khu vực kinh tế nhà nước làm ăn chưa thực hiệu quả (đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước: tập đoàn, tổng công ty), thậm chí là thua lỗ lớn. Nơi này, nơi kia kinh tế nhà nước còn cho thấy trình độ quản lý kém, gây thất thoát, lãng phí hàng ngàn tỷ đồng, làm cho niềm tin vào kinh tế nhà nước có phần giảm sút, đó là sự thật. Tuy nhiên, đó không phải là bản chất của kinh tế nhà nước, mà do nhiều nguyên nhân như cơ chế chính sách, quản trị doanh nghiệp, bố trí cán bộ... mới dẫn đến tình trạng trên. Đảng ta đang xác định, tái cấu trúc nền kinh tế, trong đó trước hết là tái cấu trúc kinh tế nhà nước để kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Thứ tư, trong điều kiện nước ta hiện nay vẫn còn tồn tại các nguy cơ như:

- Nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa;

- Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trên thế giới và khu vực;

- Nguy cơ tham nhũng và tệ nạn xã hội phát triển;

- Nguy cơ diễn biến hoà bình.

Trong nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta cần phải xác định rõ vị trí, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước để tránh nguy cơ đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Nếu không làm rõ vai trò từng thành phần kinh tế trong sự phát triển sẽ khó trong công tác quản lý và hoạch định chiến lược phát triển kinh tế xã hội.

(*) Th.S. Giảng viên Khoa Lý luận Mác-Lênin

GÓP Ý DỰ THẢO SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP 1992 TỪ GÓC NHÌN NGÔN NGỮ HỌC VĂN BẢN

LÊ THỊ TRÚC ANH^(*)

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là văn bản pháp luật có giá trị cao nhất trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Kể từ ngày giành được độc lập (1945 đến nay), Việt Nam đã có Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992 (là Hiến pháp hiện hành). Qua 20 năm thực hiện Hiến pháp năm 1992, đến nay, đất nước ta đã có nhiều thay đổi trong bối cảnh tình hình quốc tế có những biến đổi to lớn, sâu sắc và phức tạp, vì vậy, sửa đổi Hiến pháp năm 1992 cho phù hợp với thực tiễn là một yêu cầu tất yếu, khách quan.

Ngày 2/1/2013 (theo Nghị quyết số 38/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội), Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 chính thức công bố Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 (gọi tắt là Dự thảo) trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến rộng rãi các tầng lớp nhân dân. Đây là biểu hiện thiết thực của nhận thức đúng đắn, Hiến pháp là văn kiện chính trị - pháp lý quan trọng, thể hiện bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước và chế độ ta, đồng thời phản ánh sự ủy thác và cam kết

mạnh mẽ các thiết chế chính trị thực hiện quyền lực chính đáng của nhân dân. Hiến pháp 1992 có 12 chương, 147 điều. Dự thảo có 11 chương, 124 điều. So với Hiến pháp 1992, Dự thảo giảm 1 chương, 23 điều; giữ nguyên 13 điều; sửa đổi bổ sung 99 điều và bổ sung 11 điều mới. Xét về nội dung, Dự thảo có nhiều tiến bộ so với Hiến pháp 1992. Trong mối tương quan, nội dung nào cũng cần một hình thức chuyển tải tương ứng. Bài viết dưới đây quan tâm tới ngôn ngữ văn bản, tức hình thức - kỹ thuật của bản Dự thảo Hiến pháp 1992. Cụ thể, một số điểm sau:

1. Trong *Lời nói đầu*: Hiến pháp 1980 viết “Trải qua bốn nghìn năm lịch sử,...”, Hiến pháp 1992 và Dự thảo sửa đổi đều viết: “Trải qua mấy nghìn năm lịch sử,...”. Cả hai cách diễn đạt trên đều chưa thật chặt chẽ. Việc xác định chiều dài lịch sử dân tộc bằng con số cụ thể “bốn nghìn năm” là không chính xác. Song, khái quát trường kỳ lịch sử bằng từ mang tính ước lệ, định tính “mấy nghìn năm” lại không tạo ra cảm giác mạnh mẽ về bề dày và chiều dài thời gian văn hóa của dân tộc. Nên chăng, đổi lại thành: “Trải qua hàng ngàn (hoặc nghìn) năm lịch sử, nhân dân Việt Nam luôn lao động cần cù, sáng tạo,...”.

Đoạn thứ ba trong *Lời nói đầu*, Dự thảo đánh

^(*) TS., Giảng viên Khoa Quản lý hành chính, Trường Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

giá chung “Qua các thời kỳ kháng chiến kiến quốc, nước ta đã có Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992. Mỗi bản Hiến pháp đều ghi nhận những thành quả cách mạng to lớn mà nhân dân Việt Nam đã đạt được, tạo nền tảng vững chắc cho sự ổn định và phát triển đất nước” là chưa sát thực tiễn khách quan. Thực tế, Hiến pháp 1946 đầy sức sống và tiềm năng khai mở nhưng không có điều kiện thực hiện. Hiến pháp 1980 chịu ảnh hưởng nhiều của quan niệm cũ về chủ nghĩa xã hội và tư tưởng chủ quan duy ý chí, chưa phù hợp với thực tế. Do vậy, có thể diễn đạt lại như sau: “Mỗi bản Hiến pháp đều ghi nhận những thành quả cách mạng to lớn mà nhân dân Việt Nam đã đạt được, tạo cơ sở cho quá trình vận động và phát triển đất nước”.

2. Bài viết đặc biệt quan tâm đến *Chương II: quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân*

Chế định về quyền con người, quyền công dân luôn là một nội dung quan trọng của hiến pháp ở đa số các quốc gia trên thế giới. Trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, việc chế định quyền con người, quyền công dân được đặt ở Chương II, chỉ sau Chương I, chế định về chế độ chính trị. Cách thức chế định như vậy, xét về hình thức, là phù hợp với cách thức chế định các quyền này của đa số hiến pháp các nước trên thế giới. Quan trọng hơn, cách thức chế định ấy thể hiện bản chất của hiến pháp là văn bản khế ước gốc giữa nhà nước và người dân, nhằm thiết lập cơ chế kiểm chế quyền lực nhà nước thông qua việc chế định quyền con người, quyền công dân. Dự thảo đã khắc phục được sự mờ nhạt, có phần lẫn lộn giữa quyền con người và quyền công dân ở văn bản Hiến pháp 1992. Hiến pháp năm 1992 lần đầu tiên ghi nhận khái niệm quyền con người (trong

Điều 50). Nhưng cũng chính Điều 50 cho thấy một hạn chế về kỹ thuật lập hiến khi quy định: “... các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội... thể hiện ở các quyền công dân...”. Theo đó, rõ ràng quyền con người đã được đồng nhất với quyền công dân, trong khi trên thực tế, đây là hai khái niệm tuy có nhiều điểm tương đồng song khác nhau cả về tính chất, nội hàm và đặc biệt là về chủ thể, phạm vi áp dụng. Hạn chế này tiếp tục bộc lộ trong điều 51, Hiến pháp năm 1992: “Quyền và nghĩa vụ của công dân do Hiến pháp và luật quy định”. Đúng là để được bảo vệ và thúc đẩy, các quyền con người cần phải được ghi nhận trong hiến pháp và pháp luật; nhưng quy định kể trên dễ gây ra hiểu nhầm: hiến pháp và pháp luật (hay nhà nước) là những chủ thể sản sinh ra các quyền con người. Theo quan điểm phổ biến của cộng đồng quốc tế, các quyền con người - với tính cách là quyền công dân khi được biểu hiện ở cấp độ quốc gia, là những giá trị tự nhiên, vốn có, gắn liền với mọi cá nhân, không phụ thuộc vào bất kỳ chủ thể nào khác. Nói cách khác, mọi thành viên của nhân loại khi sinh ra đã mặc nhiên có tư cách chủ thể của các quyền con người. Các nhà nước chỉ có thể thừa nhận (bằng hiến pháp và pháp luật) các quyền đó là những giá trị vốn có của mọi cá nhân mà nhà nước có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy chứ không thể “cấp phát” cho công dân các quyền con người.

Khắc phục hạn chế trên, Dự thảo phản ánh được cách thức thiết lập quyền từ chỗ quy định dưới dạng nhà nước “quyết định” quyền cho công dân, sang việc người dân được hưởng các quyền đó một cách mặc nhiên và nhà nước có nghĩa vụ bảo đảm các quyền con người và quyền công dân. Như vậy, các điều khoản trong

Chương II của Dự thảo có nhiều tiến bộ về nội dung và cách thức thể hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Tuy nhiên, xét về hình thức diễn đạt vẫn còn vài điểm nên tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu chính thống, khoa học của một văn bản Hiến pháp:

- Điều 18, khoản 2: “Công dân Việt Nam không thể bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, giao nộp cho Nhà nước khác.” Diễn đạt như vậy (ngắt câu trước chữ “giao nộp”), tạo nên sự mâu thuẫn trong ý tứ và rất dễ gây hiểu lầm “Công dân Việt Nam *không thể* bị trục xuất...” nhưng *có thể* “giao nộp cho Nhà nước khác”. Nên chỉnh lại thành: “Công dân Việt Nam không thể bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và không thể giao nộp cho Nhà nước khác”, sẽ chặt chẽ và chính xác hơn.

- Điều 21: “Mọi người có quyền sống”. Đây là một điểm mới của Dự thảo. Song, câu này quá ngắn, có lẽ cần được diễn đạt cụ thể thêm, hoặc có thể tích hợp với các điều, khoản về quyền con người.

- Điều 32, khoản 1: “Không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”, nên diễn đạt ngắn gọn thành: “Không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội có hiệu lực của Tòa án.”

- Điều 32, khoản 2: “Người bị buộc tội có quyền được Tòa án xét xử. Không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm”. Xét về ngữ nghĩa, giữa từ “tội”; “tội phạm” và “phạm tội” có nghĩa khác nhau. Do đó, vế thứ hai trong câu

này, nên bỏ từ “phạm” để câu sáng nghĩa hơn: “Người bị buộc tội có quyền được Tòa án xét xử. Không ai bị kết án hai lần vì một tội”.

- Điều 26 viết: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí”, ngay sau đó có dấu phẩy và tiếp đến “được thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật”. Từ “được” ở đây dễ tạo liên tưởng về quán tính “xin – cho” thời bao cấp. Người dân “được cấp quyền”, “ban quyền” chứ không phải là đảm bảo quyền công dân như Hiến pháp quy định. Câu này nên diễn đạt là “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật”.

Những góp ý sửa đổi cụ thể liên quan đến kỹ thuật lập hiến ở trên không nằm ngoài mối quan tâm đến sự gắn bó hữu cơ giữa nội dung và hình thức văn bản hiến pháp của người viết. Nội dung đổi mới, tiến bộ nhưng hình thức diễn đạt (chủ yếu qua ngôn ngữ viết) còn rườm rà, tối nghĩa sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng nội dung nói chung; đồng thời làm hạn chế tính khoa học cũng như tính khả thi của hiến pháp. Do đó, các điều, khoản trong văn bản Dự thảo phải đảm bảo tính nhất quán, giữa chúng không có mâu thuẫn nội tại, ít ra là trên phương diện logic hình thức.

Chúng tôi tin tưởng rằng, nội dung và hình thức Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, đặt trong mối quan hệ biện chứng, khi được quan tâm thấu đáo, hẳn sẽ đạt được tính khách quan, khoa học và thẩm mỹ của một văn bản chính trị - pháp lý có ý nghĩa thiêng liêng đối với toàn thể dân tộc Việt Nam./.

